

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 16/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tấn Thành

Ông Nguyễn Xuân Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Huy T, sinh năm 1977 tại Thị xã A, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn TD, xã NA, thị xã A, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 08/12; con ông Trần Minh T1, sinh năm 1948 và bà Mai Thị C, sinh năm 1950; Vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; Con ruột: có 02 con sinh năm 2005 và 2006.

Tiền sự: không

Tiền án: Ngày 04/12/2014 bị TAND Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 11/6/2015 chấp hành xong hình phạt về địa phương. Ngày 29/01/2016 bị TAND huyện PC, tỉnh Bình Định xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 13/10/2017, bị TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Nhân thân: Ngày 17/09/2015, bị Công an xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 05/09/2017, bị CQĐT Công an huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 11/10/2017, bị CQĐT Công an huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*”

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Phước- Tổng cục VIII

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

***Bị hại:**

1./ Vợ chồng ông Đinh Văn P1, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1980; Đồng trú tại: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

2./ Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1940; Trú tại: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

3./ Vợ chồng ông Phạm Ngọc M, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968; Đồng trú tại: Thôn CL, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

4./ Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1968 và bà Phan Thị H, sinh năm 1970; Đồng trú tại: Thôn CL, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Huy T sống lang thang, không có nghề nghiệp nhiều lần trộm cắp tài sản bán lấy tiền sử dụng làm nguồn sống chính, đã nhiều lần bị Toà án kết án về tội trộm cắp tài sản chưa được xoá án tích. Vào đêm 22/04/2017, T chuẩn bị một cái kìm bấm, một mỏ lết, một tuốc nơ vít bỏ vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Wave Trung Quốc (không rõ biển kiểm soát) rồi điều khiển xe đến thị xã Sông Cầu để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 23/04/2017, T dựng xe máy trong căn nhà bỏ hoang tại thôn Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên sau đó lấy các công cụ đã chuẩn bị sẵn đi dọc theo QL1D thì phát hiện nhà của anh Đinh Văn P1 ở thôn M phía trước có bảng hiệu làm tóc “Nhẹ Phạm”, T dùng mỏ lết bẻ gãy 01 đoạn khung cửa sổ rồi lết lút vào các phòng nhà anh P1 lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A5 của chị Phạm Thị N, rồi tiếp tục lấy số tiền 2.000.000 đồng trong ví da bỏ trong túi quần jean treo trên vách tường của Đinh Văn P1, 01 đồng hồ đeo tay để trên tủ quần áo và số tiền 3.000.000 đồng đựng trong tủ của ông Đinh Văn T2. Sau đó, T đem bán điện thoại Samsung A5 cho Tiệm điện thoại ở thị xã A, tỉnh Bình Định (không xác định được địa chỉ) được số tiền 2.000.000 đồng sử dụng tiêu xài, đồng hồ đeo tay T không nhớ bán hay tặng cho ai, chiếc xe mô tô do bị hư hỏng nên T bỏ lại tại khu vực rẫy thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình điều tra có cơ sở xác định, với phương thức và thủ đoạn nêu trên, Trần Huy T còn trộm cắp tài sản của 02 nhà dân tại Thôn CL, xã XL, thị xã S, tỉnh Phú Yên cụ thể:

Vào khoảng 01 giờ ngày 09/03/2017, Trần Huy T vào nhà vợ, chồng ông Phạm Ngọc M lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, loại màn hình trắng đen và số tiền 3.900.000 đồng. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục vào nhà vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 4.600.000 đồng để trên tủ lạnh. Sau đó, T đem bán 02 điện thoại di động đã trộm cắp cho cửa hàng điện thoại trên địa bàn thị xã A, tỉnh Bình Định (không xác định được địa chỉ) để lấy tiền tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG ngày 16/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Samsung A5, màu vàng – trắng, đã qua sử dụng, mua tháng 01 năm 2017, tại thời điểm ngày 23/04/2017, có giá thị trường : 3.000.000 đồng; 01 đồng hồ đeo tay, nhãn hiệu: SEIKO, model: SUR064P1, màu vàng – trắng, xuất xứ: Nhật Bản,

đã qua sử dụng, mua mới vào năm 2013, tại thời điểm ngày 23/04/2017 có giá thị trường : 200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Nokia 105 RM-1133, màu đen, loại 02 sim, đã qua sử dụng, mua mới vào tháng 02 năm 2017, tại thời điểm ngày 09/03/2017 có giá thị trường : 150.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG ngày 17/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Sông Cầu kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu: Nokia 105 RM-1134, màu xanh - đen, đã qua sử dụng, mua mới vào tháng 05 năm 2016, tại thời điểm ngày 09/03/2017 có giá trị theo giá thị trường: 150.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Một cái kiềm bấm, một cái mỏ lết, một cái vặn vít : Đã xử lý theo bản án số 24/2017/HSST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Huy T chưa bồi thường thiệt hại cho các bị hại.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKS ngày 28/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Trần Huy T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Huy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về phần nghĩa vụ dân sự bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của những người bị hại.

Kiểm sát viên Viện sát nhân dân thị xã Sông Cầu thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 28/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố bị cáo Trần Huy T về tội “ *Trộm cắp tài sản*”. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Huy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Xử phạt Trần Huy T với mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản tại bản án số 16/2018/HSST ngày 11/5/2018 và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo T chấp hành chung hình phạt là 10 năm 06 tháng tù, bản án đã có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Điều 51 BLHS năm 1999 để tổng hợp nhiều bản án, buộc bị cáo Tòa án chấp hành chung hình phạt của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999 Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Trần Huy T phải bồi thường cho các bị hại sau:

- Bồi thường cho vợ chồng ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị K tổng số tiền: 4.050.000 đồng (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*)

- Buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Thị H tổng số tiền: 4.750.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Các bị hại vợ chồng ông Đinh Văn P1, bà Phạm Thị N và ông Đinh Văn T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng vụ án: Một cái kiềm bấm, một cái mỏ lết, một cái vặn vít đã xử lý theo bản án số 24/2017/HSST của Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội cũng như đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Sông Cầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Trần Huy T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, của bị hại, thời gian, địa điểm, tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Kết luận định giá và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Chính bị cáo Trần Huy T đã lén lút, trộm cắp 01 đồng hồ đeo tay trị giá 200.000đ và số tiền 3.000.000đ của ông Đinh Văn T2, 01 ĐTDĐ hiệu Samsung A5 trị giá 3.000.000đ của bà Phạm Thị N, trộm số tiền 2.000.000đ của ông Đinh Văn P1 vào khoảng 01 giờ ngày 23/4/2017, tại Thôn 3, xã Xuân hải, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Ngoài ra bị cáo T còn lén lút trộm cắp 01 ĐTDĐ hiệu Nokia trị giá 150.000đ và số tiền 3.900.000đ của vợ chồng ông Phạm Ngọc M bà Nguyễn Thị K, 01 ĐTDĐ hiệu Nokia trị giá 150.000đ và số tiền 4.600.000đ của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D, bà Phan Thị H vào khoảng 01 giờ ngày 09/3/2017 tại Thôn Chánh Lộc, xã Xuân Lộc, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 17.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Huy T phạm tội “Trộm cắp tài sản” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, hậu quả, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình nhưng chỉ vì lười lao động nhưng muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà các bị cáo bất chấp pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, lén lút trộm cắp tài sản tổng giá trị là 17.000.000 đồng nên phạm vào tội “Trộm cắp

tài sản” theo Điều 138 BLHS năm 1999. Mặt khác, bị cáo T có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, còn trong thời hạn chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không nghề nghiệp, nhiều lần chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp làm nguồn sống chính cho bị cáo. Với thủ đoạn dùng xe mô tô, mang theo các công cụ: 01 cái kiềm bấm, 01 cái mỏ lết, 01 cái vặn vít đi dạo với mục đích tìm nhà người dân sơ hở thì đột nhập trộm cắp tài sản, thể hiện phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Do đó bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản với hai tình tiết định khung “*Có tính chất chuyên nghiệp*” và “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999. Trong các ngày 09/3/2017 và ngày 23/4/2017 bị cáo thực hiện ba lần trộm cắp tài sản của người khác mỗi lần có giá trị trên 2.000.000đ thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Bị cáo T có nhân thân xấu: Ngày 17/9/2015 bị Công an xã Nhơn An, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; Ngày 29/12/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”; Ngày 11/05/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã từng bị Tòa án xử phạt về tội Trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành người tốt và có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội điều đó cho thấy bị cáo không biết ăn năn hối cải nên cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm mà hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và trong quá trình điều tra bị cáo tự thú nên cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để xem xét phần nào về hình phạt khi lượng hình, nhưng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung loại tội phạm này cho xã hội.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 và Điều 51 BLHS năm 1999 để tổng hợp nhiều bản án cũng như đề nghị về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là có căn cứ nên chấp nhận

[4] Bị cáo T đang phải chấp hành bản án số 16/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với án phạt là 04 năm tù và tổng hợp bản án số 01/2017/HSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 06 tháng tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS năm 1999 để tổng hợp hình phạt của bản án này với 10 năm 06 tháng tù tại bản án số 16/2018/HSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung. Thời hạn tù của bị cáo T tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2017.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Các bị hại vợ chồng ông Đinh Văn P1, bà Phạm Thị N và ông Đinh Văn T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn lại cần buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của các bị hại về giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, gồm:

- Buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị K số tiền: 3.900.000đồng và 01 điện thoại di động trị giá 150.000đồng

- Buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Thị H số tiền 4.600.000đồng và 01 điện thoại di động trị giá 150.000đồng

[6] **Về xử lý vật chứng** : Toà án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên đã xử lý vật chứng theo bản án số 24/2017/HSST ngày 13/10/2017 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] **Về án phí**: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 440.000đồng (8.800.000đ x 5% = 440.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b, điểm c khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Tuyên bố: Bị cáo Trần Huy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Huy T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt 03 năm 06 tháng tù của bản án này với 10 (Mười) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 16/2018/HSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, buộc bị cáo Trần Huy T phải chấp hành hình phạt chung là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo Trần Huy T tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 13/7/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Trần Huy T phải bồi thường cho các bị hại sau:

- Bồi thường cho vợ chồng ông Phạm Ngọc M và bà Nguyễn Thị K tổng số tiền: 4.050.000đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

- Buộc bị cáo bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc D và bà Phan Thị H tổng số tiền: 4.750.000đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu bồi thường số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Huy T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 440.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- CQĐT Công an thị xã Sông Cầu;
- Cơ quan thi hành án hình sự
- Trại giam Xuân Phước
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Toạ phiên Toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị An Nhiên